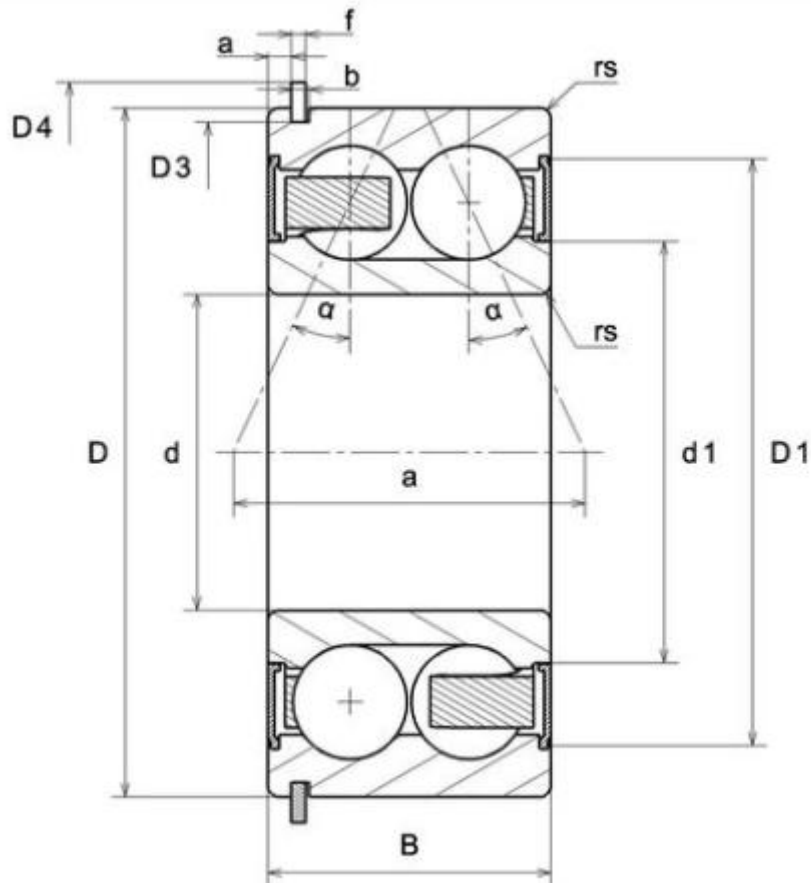


Bạc đạn NTN 5204NRZZG15



THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Thương hiệu / Hãng sản xuất	NTN
d - Đường kính lỗ trục	20 mm
D - Đường kính ngoài	47 mm
B - Chiều rộng	20,6 mm
d1 - Đường kính ngoài vòng trong	28,8 mm
D1 - Đường kính gờ/rãnh của vòng ngoài	41,9 mm
a - Điểm ứng dụng tải trọng	24,2 mm
α - Góc tiếp xúc	25 °

a min - Vị trí rãnh tối thiểu	2,31 mm
a max - Vị trí rãnh tối đa	2,46 mm
rs - Bán kính góc lượn tối thiểu	1 mm
rNs - Bán kính góc lượn tối thiểu	0,6 mm
D3 - Đường kính rãnh đáy tối đa	44,6 mm
b min - Chiều rộng rãnh tối thiểu	1,35 mm
b max - Chiều rộng rãnh tối đa	1,65 mm
a - Khoảng cách tới lỗ phun dầu	0,4 mm
D4 max - Đường kính ngoài tối đa của vòng chặn lắp ráp	52,7 mm
f - Độ dày vòng chặn	1,07 mm
Tham khảo vòng khóa	R 47
Khe hở vòng bi	CN
Lớp chính xác	P0
Trọng lượng	0,139 kg
TẦN SỐ VÒNG BI	
BPFO - Tần số vòng ngoài đặc trưng (60 vòng/phút)	3,154 Hz
BPFI - Tần số vòng trong đặc trưng (60 vòng/phút)	4,846 Hz
FTF - Tần số lồng đặc trưng (60 vòng/phút)	0,394 Hz
BSF - Tần số đặc trưng của phần tử lăn (60 vòng/phút)	4,091 Hz
HIỆU SUẤT SẢN PHẨM	
C - Tải trọng động cơ bản danh định	19,1 kN
C0 - Tải trọng tĩnh cơ bản danh định	12,5 kN
Cu - Giới hạn tải trọng mỏi	0,81 kN
f0 - Hệ số	13.7
N ref - Tốc độ nhiệt tham chiếu	12000 tr/min

N lim - Tốc độ giới hạn cơ học	12000 tr/min
Tmin - Nhiệt độ hoạt động tối thiểu	-20 °C
Tmax - Nhiệt độ hoạt động tối đa	120 °C

GIỚI HẠN

da min - Đường kính vai tối thiểu IR	25 mm
da max - Đường kính vai tối đa IR	28,8 mm
Da max - Đường kính vai tối đa OR	42 mm
Ca min - Vị trí phân đoạn tối thiểu	2,92 mm
Ca max - Vị trí phân đoạn tối đa	3,18 mm
ra max - Bán kính góc lượn tối đa trục & vỏ	1 mm
rNa max - Bán kính góc lượn tối đa ở phía phân đoạn	0,6 mm
Db min - Đường kính vị trí vòng dừng tối thiểu	53,4 mm

NTN®



VOBICO.VN
NTN Authorized Distributor